

Bản án số: 90/2018/HS-ST

Ngày: 14-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyết

2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền -
Cán bộ Tòa án nhân dân quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Út- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 85/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn L, sinh ngày 29/9/1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: Đường H, phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Đường T, phường X, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H (chết) và bà Nguyễn Thị L sinh năm 1965; có vợ Bùi Thị Mỹ T, có 01 con sinh năm 2013; tiền án: Ngày 26/8/2015 bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xử phạt 03 năm tù giam về tội cướp giật tài sản theo bản án số 75/2015/HSST; tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/9/2017; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Nguyễn Thúy V, sinh năm 1989; cư trú tại: Đường Q, phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; cư trú tại: Đường T, phường X, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 29/9/2017, Lê Văn L điều khiển xe máy biển số 52H7-5768 trên đường Thống Nhất, khi đi đến số nhà 440/44 đường Thống Nhất, Phường 16, quận Gò Vấp thì nhìn thấy một người phụ nữ đang sử dụng điện thoại di động nên L điều khiển xe máy áp sát dùng tay cướp giật được chiếc điện thoại, rồi tăng ga tẩu thoát. Tuy nhiên, ngay sau đó L đã bị người dân truy đuổi, bắt giữ và giao cho cơ quan công an.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Nguồn gốc chiếc xe mang biển số 52H7-5768 là do bà mua của ông Trần Văn H vào ngày 26/4/2017 để sử dụng. Khi mua hai người có viết giấy tay và ông H đưa cho bà đăng ký xe đứng tên Nguyễn Văn L. Ngày 29/9/2017, con trai bà là Lê Văn L hỏi mượn chiếc xe để đi công việc, việc L sử dụng để thực hiện hành vi cướp giật bà không được biết nên yêu cầu được nhận lại chiếc xe.

Bản cáo trạng số 95/CTr-VKS ngày 08/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố Lê Văn L về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại các điểm c và d Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, trình bày lời luận tội, đánh giá tính chất, mức độ và hậu quả nguy hiểm cho xã hội cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị:

- Tuyên bố Lê Văn L phạm tội cướp giật tài sản; áp dụng các điểm c và d Khoản 2 Điều 136, điểm p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội cướp giật tài sản;
- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;
- Trả lại chiếc xe máy biển số 52H7-5768 cho bà Nguyễn Thị L.

Bị cáo không tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án khoan hồng vì đã nhận thức được hành vi sai phạm của mình và quyết tâm sửa chữa, không vi phạm pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an quận Gò Vấp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Kiểm sát viên thực hiện hành vi, quyết định tố tụng, thu thập chứng cứ, tài liệu theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng, việc thu thập chứng cứ, tài liệu của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp biên bản bắt quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 29/9/2017, khi điều khiển xe máy biển số 52H7-5768 trên đường Thống Nhất thuộc Phường 16, quận Gò Vấp bị cáo nhìn thấy một người phụ nữ đang sử dụng điện thoại di động nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt. Bị cáo điều khiển xe áp sát vào người này và dùng tay trái cướp giật chiếc điện thoại, rồi tăng ga xe tẩu thoát nhưng ngay sau đó đã bị bắt giữ. Do đó đã có đủ căn cứ để tuyên bố bị cáo phạm tội cướp giật tài sản.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên đường phố, thể hiện sự táo bạo, liều lĩnh nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác là chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus mà theo kết luận định giá tài sản số 12/KL ngày 04/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Gò Vấp có trị giá là 2.933.000 đồng.

Trong vụ án này, bị cáo sử dụng xe máy để trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản nên đây được xem là dùng thủ đoạn nguy hiểm và là tình tiết định khung hình phạt. Ngoài ra, ngày 26/8/2015, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt 03 năm tù về tội cướp giật tài sản theo bản án số 75/2015/HSST, chưa được xóa án tích bị cáo lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại Khoản 2 Điều 49 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng các điểm c và d Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo về tội cướp giật tài sản

Hành vi của bị cáo đã vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội, thực hiện một cách cố ý để chiếm đoạt bất hợp pháp tài sản của người khác nên cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như

tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 để giảm nhẹ hình phạt. Việc áp dụng tình tiết nêu trên cũng phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về hình phạt bổ sung: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử không áp dụng Khoản 5 Điều 136 của Bộ luật Hình sự để phạt tiền đối với các bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus đã thu hồi và trả lại cho người bị hại. Tại phiên tòa người bị hại vắng mặt, trong quá trình điều tra không có yêu cầu bồi thường. Xét thấy, phần trách nhiệm dân sự không liên quan đến việc xác định cấu thành phạm tội, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo nên tách ra để xét xử sau theo thủ tục tố tụng dân sự nếu sau này có yêu cầu.

Chiếc xe máy biển số 52H7-5768 là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, qua xác minh do ông Nguyễn Văn L đứng tên chủ sở hữu. Ông L đã bán lại cho một người khác nhưng chưa làm thủ tục sang tên, còn bà Nguyễn Thị L khai mua lại của một người đàn ông để sử dụng. Ngày 29/9/2017, con trai bà L là Lê Văn L hỏi mượn xe để đi công việc, việc bị cáo sử dụng chiếc xe nêu trên để thực hiện hành vi phạm tội bà L không biết. Cơ quan điều tra đã đăng tìm chủ sở hữu, người quản lý, người sử dụng hợp pháp trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng cho đến nay vẫn không có thông tin nên áp dụng Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 trả lại chiếc xe cho bà Nguyễn Thị Lộc.

[4] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố Lê Văn L phạm tội Cướp giật tài sản.

Áp dụng các điểm c và d Khoản 2 Điều 136, điểm p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt Lê Văn L 04 (Bốn) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29 tháng 9 năm 2017.

2. Áp dụng Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bà Nguyễn Thị L xe máy biển số 52H7-5768 (*Theo lệnh nhập kho vật chứng số*

72/LNKVC ngày 08/5/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp).

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- Viện kiểm sát Q. Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- Công an Q. Gò Vấp;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Đăng Tân